

ÔN TẬP GIỮA KÌ II

HS viết câu giải thích ngắn gọn vào ô trống (nếu có)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1. $86,15 : 0,001 = \dots\dots\dots$ Số điền vào chỗ chấm là:

- A. 0,08615 B. 861,5 C. 8,615 D. 86150

Câu 2. $7052 \text{ cm}^3 = \dots\dots\text{dm}^3$ Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 7,052 B. 70,52 C. 705,2 D. 0,7052

Câu 3. Quãng đường từ nhà lên huyện dài 35 km. Trên đường đi từ nhà lên huyện, một người đi bộ 10 km rồi tiếp tục đi xe ô tô trong nửa giờ nữa thì đến nơi. Vận tốc của ô tô là:

Vì:

- A. 70km/giờ B. 60km/giờ C. 50km/giờ D. 25km/giờ

Câu 4. Tam giác ABC có độ dài đáy là 16 cm, chiều cao tương ứng bằng một nửa độ dài đáy. Diện tích tam giác ABC là:

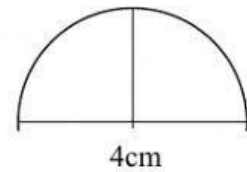
Vì:

- A. 128 cm^2 B. 32 cm^2 C. $6,4 \text{ dm}^2$ D. 64 cm^2

Câu 5. Cho nửa hình tròn H có đường kính 4cm (như hình vẽ).

Chu vi hình H là:

- A. 12,56 cm B. 10,28 cm
C. 16,56 cm D. 6,28 cm



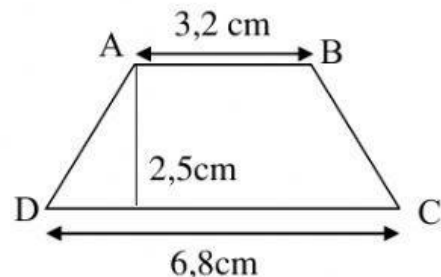
Hình H

Vì:

Câu 6. Diện tích hình thang ABCD (hình vẽ bên) là:

Vì:

- A. 125 cm^2 B. $12,5 \text{ cm}^2$
C. 12 cm^2 D. 25 cm^2



Câu 7. Điền số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm:

$$5\text{m}^3 103\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{m}^3$$

$$48 \dots\dots\dots = 0,8 \text{ giờ}$$

$$2\text{m}^2 5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$$

$$3 \text{ ngày } 16 \text{ giờ} = \dots\dots\dots\text{ngày}$$

Câu 8. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

a) $10,198 \dots\dots\dots 9,891$

b) $19,025 \dots\dots\dots 19,1$

c) $10\% \dots\dots\dots 1/10$

d) $2,5 \dots\dots\dots 250\%$

Câu 9. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Chữ số 5 trong số 14,508 đứng ở:

- A. Hàng trăm B. Hàng phần trăm
C. Hàng phần nghìn D. Hàng phần mười

b) Phân số $75/4$ viết dưới dạng số thập phân là:

Vì:

- A. 8,5 B. 1,875 C. 18,75 D. 17,85

c) Diện tích toàn phần của hình lập phương có cạnh 5,6cm là:

vì:

- A. 31,36 cm² B. 125,44 cm² C. 175,616 cm² D. 188,16cm²

d) Tỉ số phần trăm của 3,6 và 4,5 là:

vì:

- A. 0.8% B. 8% C. 0,08% D. 80%

Câu 10. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ trống:

- a) 82,52m².....8352dm² b) 1569dm³.....15,69m³
c) 10 tấn 40kg1040kg d) 5 phút 30 giây..... 5,30 phút

Câu 11. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Chữ số 7 trong số 9,705 có giá trị là:

- A. 7 B. 7/10 C. 700 D. 7/100

b) Phân số 7/8 viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 7,8 B. 8,7 C. 0,875 D. 0,857

c) 35% của 450kg là: Vì:

- A. 157,5kg B. 155,7kg C. 15,75kg D. 15,57kg

d) Số thích hợp điền vào chỗ chấm để 917dm²=...m² là:

- A. 91,7 B. 9,17 C. 0,917 D. 0,0917

Câu 12. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ trống:

- a) 1,75m²....175dm² b) 1968dm²....1,968m²
c) 7850dm³...7,85m³ d) 12075kg12,75 tấn